

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 03/2019/DS-ST
Ngày : 22 -01-2019
V/V tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bon

Ông Đặng Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 137/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc G. Địa chỉ: ấp X 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Đào Ngọc L Địa chỉ: ấp X 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

- *Những người làm chứng:*

1. Bà Võ Thị Bích N. Địa chỉ: Ấp X 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Kim H. Địa chỉ: Ấp X 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

3. Bà Bùi Thị T. Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-8-2018, 17-9-2018, 29-10-2018 và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Ngọc G là nguyên đơn trình bày:

Năm 2017 bà làm chủ các dây hụi, bà L là hụi viên tham gia hụi cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 (AL) bà L có tham gia dây hội 1.000.000 đồng, hội khui vào ngày 20/4/2017, mỗi tháng khui một lần, hội gồm 22 hội viên, hội viên nào hốt hội thì bà được hưởng hoa hồng là 500.000 đồng, bà L tham gia một phần, bà L đóng hội sống đến kỳ thứ 3, bà L hốt vào kỳ thứ 4 là 14.290.000 đồng, bà L đóng lại 09 kỳ hội chết (đến tháng 3 năm 2018), bà L không đóng hội cho bà các kỳ hội tháng 4, 5, 6 và tháng 7/2018 là 4.000.000 đồng, còn lại 5 kỳ hội từ tháng 8 đến tháng 12 bà sẽ khởi kiện bà L sau. Hội mãng vào ngày 20/12/2018. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 4.000.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 (AL) bà L có tham gia dây hội 1.000.000 đồng, bà L tham gia hai phần, hội khui vào ngày 25/6/2017, mỗi tháng khui một lần, hội gồm 25 hội viên, hội viên nào hốt hội thì bà được hưởng hoa hồng là 500.000 đồng.

Phần hội thứ 1: Bà L hốt hội vào kỳ thứ 01 là 14.740.000 đồng, bà L đóng lại 10 kỳ hội chết (đến tháng 3 năm 2018), bà L không đóng hội cho bà các kỳ hội tháng 4, 5, 6 và tháng 7/2018 là 4.000.000 đồng, còn lại 11 kỳ hội chết từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 và 06 tháng của năm 2019 bà sẽ khởi kiện bà L sau. Hội mãng vào ngày 25/6/2019. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 4.000.000 đồng.

Phần hội thứ 2: Bà L đóng hội sống đến kỳ thứ 6, bà L hốt vào kỳ thứ 7 là 14.014.000 đồng, bà L đóng lại 03 kỳ hội chết, bà L không đóng hội cho bà các kỳ hội tháng 4, 5, 6 và tháng 7/2018 là 4.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 4.000.000 đồng.

Dây hội thứ 3: Vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 (AL) bà L có tham gia dây hội 2.000.000 đồng, bà L tham gia một phần hội, hội khui vào ngày 25/6/2017, mỗi tháng khui một lần, hội gồm 18 hội viên, hội viên nào hốt hội thì bà được hưởng hoa hồng là 1.000.000 đồng, bà L đóng hội sống đến kỳ thứ 3, bà L hốt vào kỳ thứ 4 là 24.250.000 đồng, bà L đóng lại 06 kỳ hội chết (tháng 3 năm 2018), bà L không đóng hội cho bà các kỳ hội tháng 4, 5, 6 và tháng 7/2018 là 8.000.000 đồng, còn lại 4 kỳ hội từ tháng 8 đến tháng 11 bà sẽ khởi kiện bà L sau. Hội mãng vào ngày 25/11/2018. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 8.000.000 đồng.

Dây hội thứ 4: Vào ngày 10 tháng 8 năm 2017 (AL) bà L có tham gia dây hội 2.000.000 đồng, bà L tham gia hai phần, hội khui vào ngày 10/8/2017, mỗi tháng khui một lần, hội gồm 17 hội viên, hội viên nào hốt hội thì bà được hưởng 1.000.000 đồng.

Phần hội thứ 1: Bà L hốt hội vào kỳ thứ 02 là 18.500.000 đồng, bà L đóng lại 06 kỳ hội chết (đến tháng 3 năm 2018), bà L không đóng hội cho bà các kỳ hội tháng 4, 5, 6 và tháng 7/2018 là 8.000.000 đồng, còn lại 05 kỳ hội chết từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 bà sẽ khởi kiện bà L sau. Hội mãng vào ngày 10/12/2018. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 8.000.000 đồng.

Phần hội thứ 2: Bà L đóng hội sống đến kỳ thứ 04, bà L hốt vào kỳ thứ 5 là 22.000.000 đồng, bà L đóng lại 03 kỳ hội chết (đến tháng 3 năm 2018), bà L không đóng hội cho bà các kỳ hội tháng 4, 5, 6 và tháng 7/2018 là 8.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 8.000.000 đồng, còn lại 05 kỳ hội chết từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 bà sẽ khởi kiện bà L sau. Hội mãng vào ngày 10/12/2018. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 8.000.000 đồng.

Từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2018 bà có cho bà L vay nhiều lần (bốn đến năm lần) tổng cộng là 22.000.000 đồng, bà L không có biên bản giao nhận tiền với bà, việc vay tiền chỉ có hai bên biết. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà 22.000.000 đồng vốn vay.

Tổng cộng 4 dây hui và phần tiền vay bà L nợ bà: 58.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà số tiền vốn hui và vốn vay là 58.000.000 đồng, không tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Đào Ngọc L là bị đơn vắng mặt lý do:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bà L không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Bà G yêu cầu bà L trả 36.000.000 đồng tiền vốn hui và 22.000.000 đồng tiền vốn vay. Đối với phần vốn hui qua lời trình bày của bà G và những người làm chứng thì có cơ sở xác định bà L tham gia hui như bà G trình bày. Cần chấp nhận yêu cầu này của bà G. Đối với phần nợ vốn vay bà G yêu cầu bà L trả 22.000.000 đồng, bà G không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà L nợ bà G là 22.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà G.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Ngọc G khởi kiện bà Đào Ngọc L về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà N, bà T, bà H, bà L vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào điều 227, 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy bà G yêu cầu bà L trả một phần vốn hui của 4 dây hui đã đến hạn thanh toán tổng cộng là 36.000.000 đồng, không tính lãi (tính đến tháng 7 năm 2018). Hội đồng xét xử nhận định theo các giấy hui do bà G giao nộp cho Tòa án, bà N, bà H và những người làm chứng khác khai trình thể hiện bốn dây hui 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng bà L có tham gia chơi hui và hốt hui do bà G làm chủ hui nên có đủ cơ sở xác định bà G là chủ các dây hui do bà L hui viên. Bà L đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bà L bỏ mặc và không chứng minh cho quyền lợi của mình trước yêu cầu khởi kiện của bà G nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà G số tiền hui

là 36.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu trả vốn vay thì việc vay mượn giữa hai bên không có lập giấy tờ xác nhận và chỉ bà G và bà L biết, bà G không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc bà L có vay 22.000.000 đồng của bà G nên cần không chấp nhận yêu cầu này của bà G theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Quan điểm của Viện kiểm sát: Về toàn bộ nội dung vụ án là phù hợp.

[4]. Từ nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà G về tranh chấp hui cần chấp nhận, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không có căn cứ, nên cần không chấp nhận yêu cầu này của bà G.

[5]. Về án phí: Bà G, bà L chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 463, 471, Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc G về việc “tranh chấp hui” với bà Đào Ngọc L.

Buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà G 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) tiền vốn hui.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc G về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Đào Ngọc L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

3. Về án phí:

Bà G phải chịu 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002438 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Bà G được nhận lại 350.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Bà L phải nộp 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Trí